

Bản án số: **17/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 19 - 7 - 2017
V/v "*Tranh chấp ly hôn*
và nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ T**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố MA, Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Tấn G**, sinh năm 1984. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố MA, Thị trấn ML, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 04 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Mỹ T trình bày : Vào năm 2004, chị và anh G có làm lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh G chung sống rất hòa thuận và có 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 29/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008. Nhưng đến khoảng cuối năm 2015 thì giữa chị và anh G xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị và anh G đã nhiều

lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Chị Trang và anh G đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh Lê Tấn G
- Về việc nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008; Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Chị T xác định không có không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T xác định không có không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các ý kiến của anh Lê Tấn G vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 21/4/2017 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/4/2017 anh Lê Tấn G có ý kiến: Anh G thống nhất như lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Vào năm 2004, anh và chị T có làm lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh và chị T chung sống rất hòa thuận và có 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008. Nhưng đến khoảng cuối năm 2015 thì giữa anh và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị và anh G đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Nay chị T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý chấm dứt mối quan hệ này.

- Về hôn nhân: Anh G đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mỹ T
- Về việc nuôi con chung: Anh G đồng ý giao 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008 cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Anh G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Tấn G và xin được tiếp tục nuôi dưỡng 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”*.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Lê Tấn G đã được Tòa án triệu tập đúng theo quy định của pháp luật anh Lê Tấn G nhưng có đơn xin giải, xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tấn G theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tấn G.

[4] - Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 01 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 01 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó HĐXX cần xử không công nhận mối quan hệ giữa Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[5] - Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G thống nhất xác định có 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê

Mỹ Nh, sinh ngày 14/6/2005 (theo nguyện vọng của cháu N) và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008 (theo nguyện vọng của cháu A). Anh G đồng ý giao 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008 cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh G là anh G đồng ý giao 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 (theo nguyện vọng của cháu N) và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008 (theo nguyện vọng của cháu A) cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[6] - Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[7] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005762 ngày 18/04/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14; Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa chị Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G là vợ chồng.

2 - Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Lê Thị Mỹ T và anh Lê Tấn G là anh G đồng ý giao 03 người con chung tên: Lê Mỹ H, sinh ngày 26/05/2012; Lê Mỹ N, sinh ngày 14/6/2005 (theo nguyện vọng của cháu N) và Lê Mỹ A, sinh ngày 26/09/2008 (theo nguyện vọng của cháu A) cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3 - Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5 - Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005762 ngày 18/04/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Tấn Đầu